TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2018/DS-PT
Ngày 06-9-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2018/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2018/QĐ-PT ngày 17 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Bà Nguyễn Thị Minh L, sinh năm 1975. (có mặt)

2. Ông Huỳnh Văn G, sinh năm 1972. (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn P là luật sư của Công ty Luật TNHH A.B.C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Lê Minh C, sinh năm 1975.

2. Bà Trần Thị Lệ S, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: Số 377 Khu phố 3, Phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (Giấy ủy quyền ngày 05/3/2018) (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn H, đại diện bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn ông Huỳnh Văn G, bà Nguyễn Thị Minh L trình bày:

Năm 2017 cho vợ chồng ông C, bà S vay 02 lần, lần thứ nhất vay 300.000.000đồng và lần thứ hai vay 600.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 900.000.000đồng, khi vay có mặt bà S nhưng ông C viết biên nhận ký tên ngày 13/4/2017. Đến ngày 28/11/2017 ông C, bà S trả 100.000.000đồng, còn nợ lại 800.000.000đồng tiền gốc.

Nay yêu cầu ông C, bà S trả 800.000.000đồng tiền gốc, và yêu cầu trả lãi 1,5%/tháng, thời gian tính từ ngày 13/10/2017 đến ngày xét xử.

Bị đơn ông Lê Minh C, bà Trần Thị Lệ S và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông C có mượn của ông G, bà L 02 lần số tiền 900.000.000đồng có viết biên nhận ngày 13/4/2017, đến ngày 28/11/2017 ông C trả 100.000.000đồng còn nợ tiền gốc 800.000.000đồng. Đối với bà S hoàn toàn không biết việc ông C vay tiền của ông G, bà L nhưng sau khi xảy ra sự việc ông C cho bà A, ông D mượn tiền 1.050.000.000đồng thì bà mới biết ông C vay tiền ông G.

Nay ông C thừa nhận còn nợ ông G, bà L 800.000.000đồng và đồng ý trả lãi theo quy định của pháp luật. Còn bà S không chấp nhận liên đới trả nợ ông G, bà L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2018/DS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2018, Toà án nhân dân huyện T áp dụng Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện ông Huỳnh Văn G, bà Nguyễn Thị Minh L.

Buộc ông Lê Minh C, bà Trần Thị Lệ S có nghĩa vụ liên đới trả ông Huỳnh Văn G, bà Nguyễn Thị Minh L số tiền 851.983.200đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 16/6/2018, ông Nguyễn Văn H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Ông H xác định lại yêu cầu kháng cáo là bà Trần Thị Lệ S không đồng ý chịu nghĩa vụ liên

đới cùng với ông Lê Minh C trả nợ cho nguyên đơn. Các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ông G, ông H và luật sư P vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Tại biên bản hòa giải ngày 31/12/2017, bà S khai số tiền vay của nguyên đơn bà đã đưa hết cho bà A. Tại biên bản đối chất ngày 21/3/2018, bà S thừa nhận có trả nợ cho ông G bà L. Những người làm chứng cũng xác định bà S có vay tiền của nguyên đơn.

Từ những chứng cứ trên có cơ sở xác định việc ông C vay tiền của nguyên đơn bà S đều biết và đồng ý cùng ông C trả nợ. Mặt khác, hai người là vợ chồng nên cấp sơ thẩm xử buộc bà S liên đới với ông C trả nợ là phù hợp. Bà S kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ nhưng không có chứng cứ gì khác nên đề nghị giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét kháng cáo của bà S không đồng ý liên đới cùng ông C trả nợ thấy rằng:

[2] Tại biên nhận ngày 13/4/2017 thể hiện ông C vay của ông G bà L số tiền 900 triệu đồng, trả được 100 triệu đồng và biên nhận chỉ ghi người mượn tiền là ông C ký và ghi họ tên. Nhưng trong biên bản hòa giải ngày 31/12/2017 tại trụ sở ấp X, biên bản đối chất ngày 21/3/2018 tại Tòa án, bản tự khai của bà S ngày 04/5/2018, lời khai của những người làm chứng. Thấy rằng có đủ căn cứ xác định việc ông C vay tiền của ông G bà L thì bà S đều biết và có cùng ông C đứng ra trả một phần nợ cho nguyên đơn. Ông H cho rằng bà S hoàn toàn không biết việc ông C vay tiền của nguyên đơn là không có cơ sở. Mặt khác, bà S và ông C là vợ chồng sống chung một nhà, tiền vay cũng để phục vụ cho việc làm ăn và cuộc sống gia đình.

[3] Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm nêu ra những nhận định cụ thể và xử buộc bà S liên đới cùng ông C trả nợ là có căn cứ. Bà S kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ nhưng không có chứng cứ gì khác chứng minh nên không được chấp nhận. Bà S phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Riêng việc ông H đại diện cho ông C kháng cáo không đồng ý để bà S liên đới cùng ông C trả nợ cho nguyên đơn là không đúng vì ông C không có quyền kháng cáo thay cho bà S. Cấp sơ thẩm nhận đơn kháng cáo và làm các thủ tục kháng cáo của ông C là không đúng, cần rút kinh nghiệm.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[6] Các phần khác không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Lệ S.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Tuyên xử:

1. Buộc ông Lê Minh C và bà Trần Thị Lệ S có nghĩa vụ liên đới trả nợ tiền vay cho ông Huỳnh Văn G và bà Nguyễn Thị Minh L với số tiền là 851.983.200đồng *(tám trăm năm mươi mốt triệu chín trăm tám mươi ba nghìn hai trăm đồng*) (gồm tiền gốc 800.000.000đ và tiền lãi 51.983.200đ).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn G và bà Nguyễn Thị Minh L về việc yêu cầu ông Lê Minh C và bà Trần Thị Lệ S phải liên đới trả số tiền lãi là 41.616.800đ.

3.Về án phí sơ thẩm:

Ông Lê Minh C và bà Trần Thị Lệ S phải chịu 37.559.496đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Văn G và bà Nguyễn Thị Minh L phải chịu 2.080.840đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 18.720.000đồng theo biên lai thu số 0003797 ngày 24/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Ông G, bà L được hoàn trả lại tiền tạm ứng chênh lệch là 16.639.160đồng.

4. Về án phí phúc thẩm:

Bà Trần Thị Lệ S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do ông Lê Minh C và bà Trần Thị Lệ S đã nộp 600.000đ theo biên lai thu số 0004007 ngày 29/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; bà S nộp đủ án phí phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Lê Minh C 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0004007 ngày 29/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án phúc thẩm xử công khai có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tấn Quốc